

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2023/HS-ST
Ngày 24 – 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nguyễn
2. Bà Lê Thị Hoàng Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lại Thế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 129/2023/TLST-HS, ngày 29 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/HSST-QĐ ngày 06/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/HSST-QĐ ngày 26/7/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tôn Thị Lệ T**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và cư trú: 47A đường 652, tổ 5, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tôn Văn Tr (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; Bị cáo có chồng tên Trần Lĩnh N, sinh năm 1979, có 05 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2022 đến ngày 19/10/2022 và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/10/2022 đến nay. (có mặt)

*** Bị hại:**

1/ Ông Dương Hiền Đ, sinh năm 1975; Nơi cư trú: D6/653 Ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/ Ông Trần Minh L, sinh năm 1979; Nơi cư trú: D5/625 Tổ 5, Ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1995; Nơi cư trú: D6/653, Ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1977; Nơi cư trú: E6/57 Ấp 5, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Anh D1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: 241/4 đường L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

4/ Ông Phạm Hồng D2, sinh năm 1978; Nơi cư trú: B16/334D Ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

5/ Ông Âu Thái T2, sinh năm 1974; Nơi cư trú: 219A đường T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

6/ Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số 80/4 đường TA09, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

7/ Ông Phan Thanh T3, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Bãi xe Xuân P, Tổ 8A, khu phố 4, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

8/ Bà Lương Ái V, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số 97/23 đường Kinh Dương Vương, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Tôn Thị Lệ T là tài xế lái xe cho ông Dương Hiền Đ và có mối quan hệ quen biết với ông Trần Minh L thông qua ông Đ và Nguyễn Hữu T1 là tài xế lái xe cho ông L.

Đầu năm 2020, bị cáo có nhu cầu thuê xe ô tô để chở hàng dịch vụ nên ông Đ và ông T1 đã thỏa thuận với T về việc giao xe ô tô cho bị cáo chở hàng để ăn chia lợi nhuận. Khoảng tháng 01/2021, ông L đồng ý cho ông T1 giao xe ô tô biển số 51D – 540.16 cho bị cáo tại chân cầu Rau Răm thuộc Tổ 6, Ấp 4, xã B, huyện B để chở hàng và chia hoa hồng theo tỷ lệ ông L được hưởng 30% và T được hưởng 70% trên số tiền chở hàng có được vào mỗi ngày. Đến ngày 07/5/2021, ông Đ tiếp tục giao xe ô tô tải biển số 51C – 054.21 cho bị cáo tại địa chỉ D6/653 Ấp 4, xã B, huyện B để chở hàng và được chia hoa hồng theo tỷ lệ ông Đ được hưởng 40% và T được hưởng 60% trên số tiền chở hàng có được vào mỗi ngày.

Sau khi nhận 02 xe ô tô trên, bị cáo sử dụng các xe ô tô này để chở hàng được một thời gian, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 15/6/2021, bị cáo đã đem bán xe ô tô biển số 51D – 540.16 cho ông Nguyễn Xuân C với giá 220.000.000 đồng tại bãi xe Cường P thuộc Ấp 6, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, T đã nhận trước tiền đặt cọc của ông C với số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 18/6/2021, bị cáo tiếp tục đem bán xe ô tô biển số 51C- 054.81 cho ông Nguyễn Anh D1 với giá 63.000.000 đồng thông qua ông Phạm Hồng D2 và Âu Thái T2 tại bãi đất trống đối diện địa chỉ số 22D Đặng Công Bình, Tổ 1D, Ấp 6, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn và khi mua được xe ông

ông D1 có cho ông Hồng D2 và T2 mỗi người 1.000.000 đồng. Sau khi bán xe xong bị cáo cắt đứt liên lạc với ông Đ, ông Tính và bỏ trốn.

Do không thấy bị cáo chở hàng và không liên lạc được với bị cáo nên ông Đ, ông T1 đã đi tìm. Đến ngày 19/6/2021, ông Đ phát hiện xe ô tô biển số 51C – 054.81 của mình đang đăng bán tại phường Tạo, quận B nên ông Đ đến Công an xã B, huyện B trình báo. Đồng thời, biết tin xe ô tô của mình đã bị bị cáo bán cho người khác nên ngày 03/7/2021 ông T1 đến Công an xã B, huyện B trình báo. Công an xã Bình Lợi tiến hành lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh để điều tra xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 1973/KL-HĐĐGTS ngày 03/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận xe ô tô biển số 51C – 054.81 trị giá 80.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 2047/KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận xe ô tô biển số 51D – 540.16 trị giá 136.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Tôn Thị Lệ T chiếm đoạt của ông Đ và ông L là 216.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 5643/KLGD-TT ngày 22/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận : “Chữ ký dạng chữ viết tên “T” và chữ viết (trừ chữ viết họ tên “Nguyễn Anh D1” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu tại mục II.1) so với chữ viết của Tôn Thị Lệ T trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu M (đã nêu tại mục II.2) do cùng một người viết ra.”.

Kết luận giám định số 1155/LKGD-TT ngày 21/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“Chữ ký mang tên Tôn Thị Lệ T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu tại mục II.1) so với chữ ký của Tôn Thị Lệ T trên 04 (bốn) tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 (đã nêu tại Mục II.2) do cùng một người ký ra.

Chữ viết họ tên Tôn Thị Lệ T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu tại Mục II.1) so với chữ viết của Tôn Thị Lệ T trên 04 (bốn) tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 (đã nêu tại Mục II.2) do cùng một người viết ra”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Tôn Thị Lệ T khai nhận sự việc thỏa thuận với ông Đ để nhận xe ô tô 51C- 054.81 và anh T1 nhận xe 51D – 540.16 để chở hàng theo hợp đồng. Sau khi nhận xe được một thời gian, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 15/6/2021, bị cáo đã bán xe ô tô biển số 51D – 540.16 cho ông Nguyễn Xuân C với giá 220.000.000 đồng và nhận trước tiền đặt cọc của ông C với số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 18/6/2021, T tiếp tục đem bán xe ô tô biển số 51C- 054.81 cho ông Nguyễn Anh D1 với giá 63.000.000 rồi tắt điện thoại bỏ trốn; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại Đ và T1, người liên quan, kết quả giám định chữ ký, biên bản đối chất, biên bản xác định địa điểm giao nhận xe ô tô, biên bản xác định địa điểm bán xe, biên bản nhận dạng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 137/CT-VKSBC ngày 29/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Tôn Thị Lệ T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố. Bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải. Lời sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ông Nguyễn Anh D1 yêu cầu bị cáo Tôn Thị Lệ T bồi thường số tiền 63.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 5 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Về dân sự: Ông Nguyễn Anh D1 yêu cầu bị cáo Tôn Thị Lệ T bồi thường số tiền 63.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo. Các bị hại là ông Dương Hiền Đ, Trần Minh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét. Đối với tiền thu lợi bất chính thì chủ sở hữu cho bị cáo nên không xem xét tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Công an xã Bình Lợi đã trả lại cho ông Dương Hiền Đ 01 (Một) xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, biển số 51C – 054.81, số máy: 723689, số khung: R55LY7100497 nên không xem xét. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã trả lại xe cho ông L 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, biển số 51D – 540.81, số máy: 697847, số khung: R85H9700723 nên không xem xét.

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án đối với 01 (Một) bản chính giấy bán xe ô tô ISUZU, biển số 51C – 054.81 có chữ ký và chữ viết của Tôn Thị Lệ T; 01 bản chính giấy đặt cọc mua bán xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, biển số 51D – 540

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo như sau:

Do có nhu cầu thuê xe ô tô để chở hàng nên bị cáo Tôn Thị Lệ T đã thỏa thuận nhận xe ô tô của các ông Dương Hiền Đ, Nguyễn Hữu T1 để chở hàng và ăn chia lợi nhuận với nhau. Sau khi nhận 02 xe ô tô trên từ ông Đ và ông L, bị cáo sử dụng các xe ô tô này để chở hàng được một thời gian, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 15/6/2021, bị cáo đã đem bán xe ô tô biển số 51D – 540.16 cho ông Nguyễn Xuân C với giá 220.000.000 đồng tại bãi xe Cường P (thuộc Ấp 6, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh), bị cáo đã nhận trước tiền đặt cọc của ông C với số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 18/6/2021, bị cáo tiếp tục đem bán xe ô tô biển số 51C- 054.81 cho ông Nguyễn Anh D1 với giá 63.000.000 đồng (tại bãi đất trống đối diện địa chỉ số 22D Đặng Công Bình, Tổ 1D, Ấp 6, xã X, huyện H). Trước khi bán 02 xe nêu trên bị cáo đều không hỏi các bị hại và không được sự đồng ý của các bị hại.

Theo Kết luận định giá tài sản số 1973/KL-HĐĐGTS ngày 03/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận xe ô tô biển số 51C – 054.81 trị giá 80.000.000 đồng và Kết luận định giá tài sản số 2047/KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận xe ô tô biển số 51D – 540.16 trị giá 136.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông Đ và ông L là 216.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan sai. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Tôn Thị Lệ T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Bị cáo phạm tội 02 lần, mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cần xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Anh D1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 63.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông D1. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông D1 số tiền 63.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Xuân C không yêu cầu bị cáo bồi thường đối với số tiền 100.000.000 đồng đã đặt cọc mua xe, ông C đồng ý cho lại bị cáo số tiền này nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính trên.

Các bị hại là ông Dương Hiền Đ, Trần Minh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (Một) xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, biển số 51C – 054.81, số máy: 723689, số khung: R55LY7100497. Qua xác minh xe ô tô tải trên do ông Dương Hiền Đ đứng tên chủ sở hữu, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, biển số 51D – 540.81, số máy: 697847, số khung: R85H9700723. Qua xác minh xe ô tô tải trên do ông Trần Minh Đ đứng tên chủ sở hữu nhưng xe ô tô trên đã bán cho nhiều người. Hiện nay, ông Trần Minh L là chủ sở hữu thực tế của xe ô tô trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã trả lại xe cho ông L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (Một) bản chính giấy bán xe ô tô ISUZU, biển số 51C – 054.81; 01 bản chính giấy đặt cọc mua bán xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, biển số 51D – 540.16 là tài liệu chứng cứ cần tiếp tục lưu cùng hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Tôn Thị Lệ T**: 05 (năm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Bị cáo được trừ đi thời gian tạm giam giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2022 đến ngày 19/10/2022.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 357; Điều 468; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Tôn Thị Lệ T bồi thường cho ông Nguyễn Anh D1 số tiền 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án, còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Tôn Thị Lệ T chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.150.000 (ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo Tôn Thị Lệ T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Anh D1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Bị cáo; đương sự; bị hại;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh;
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án (TP. Thu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hoài Thu

